

BẢN TIN THÁNG 12/2023

DỰ BÁO AN NINH NGUỒN NƯỚC THƯỢNG NGUỒN SÔNG MÊ CÔNG VỀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG

1.1. Nguồn nước thượng lưu vực sông Mê Công

Tổng lượng nước mùa kiệt trên dòng chính sông Mê Công từ Trung Quốc qua Chiang Saen, Lào – Viêng Chăn; vào Campuchia – Pakse, về châu thổ Mê công qua Kratie, và điều tiết từ biển hồ Tonle Sap qua Prekdam được đưa ra ở bảng dưới.

Bảng 1: So sánh tổng lượng dòng chảy các trạm chính và điều tiết từ biển hồ Tonle Sap đến hiện tại

Trạm	Đơn vị	Tổng dòng chảy trong tháng 11	Lũy tích đến tháng 11**	Khác biệt lũy tích dòng chảy so với một số năm cùng thời điểm				
				Năm TB	2022	2021	2019	2015
Chiang Saen	Tỷ m ³	3,0	42,3	-3,6	-0,5	-0,4	-0,2	-0,9
Viêng Chăn	Tỷ m ³	8,9	108,1	-1,6	0,6	0,5	3,1	2,5
Pakse	Tỷ m ³	16,7	244,6	-0,4	-1,0	-1,7	-0,8	4,3
Kratie	Tỷ m ³	22,9	331,2	-4,4	-2,7	-5,3	-7,6	6,3
Biển hồ*	Tỷ m ³	10,1	31,6	2,2	-4,1	4,1	6,1	1,9

Ghi chú: '*' tổng lượng trừ hiện tại của Biển hồ

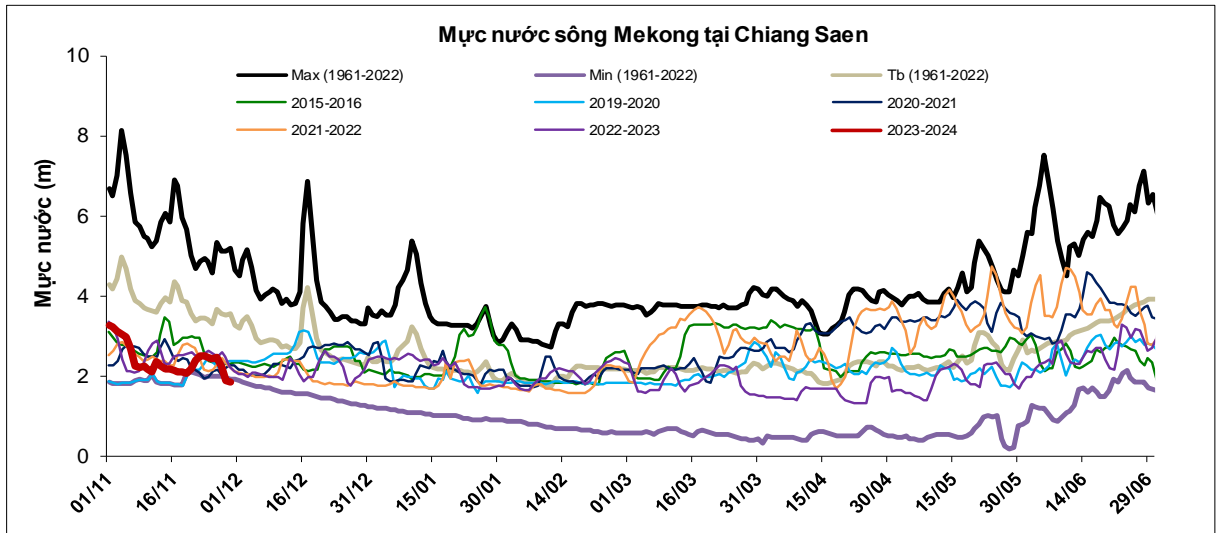
'**' lượng tích lũy được tính từ tháng 01

Tổng lượng dòng chảy trong tháng 11 về đồng bằng qua Kratie và điều tiết biển hồ vào khoảng 32,95 tỷ m³. Trong đó, đóng góp dòng chảy từ thượng nguồn Trung Quốc vào khoảng 9%, đóng góp dòng chảy khu vực Đông Bắc Thái Lan và Lào tính đến Pakse vào khoảng 42%. Đóng góp từ khu vực Tây Nguyên và Campuchia tính đến Kratie là 19%. Đóng góp từ biển hồ Tonle Sap là 31%. Tính đến thời điểm hiện tại, nguồn nước đóng góp chủ yếu từ thượng nguồn qua trạm Kratie và dòng xả từ Biển Hồ. Hiện tại, dòng chảy tất cả các trạm bao gồm: Chiang Saen, Viêng Chăn, Pakse, Kratie và Prekdam chỉ ở mức tương đương hoặc dưới trung bình nhiều năm.

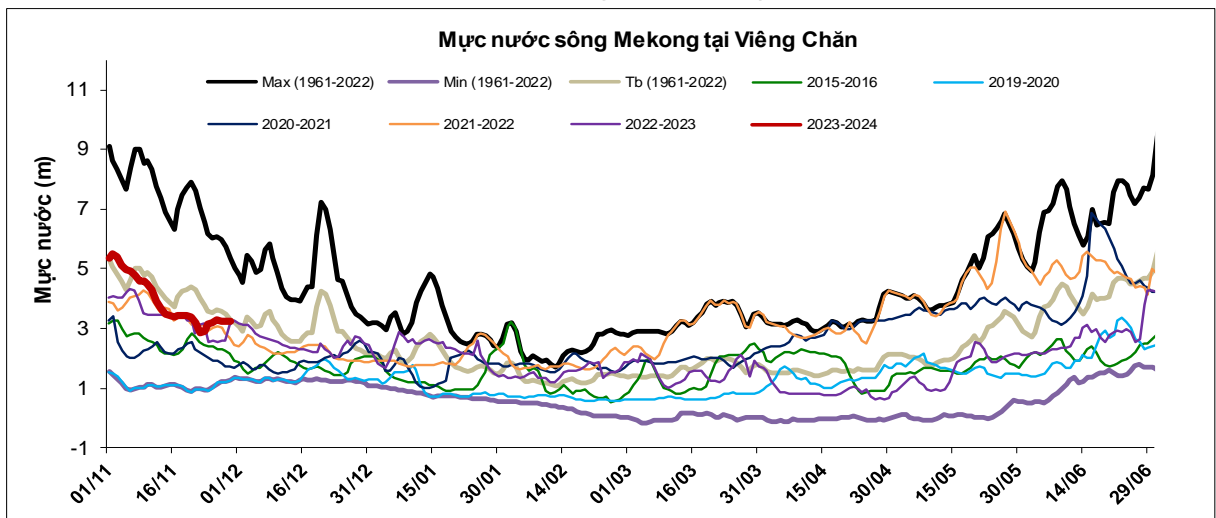
Sức chứa các hồ chứa trên lưu vực đến hiện nay khoảng 65 tỷ m³, trong đó Trung Quốc chiếm 24 tỷ m³, hạ lưu vực 41 tỷ m³. Tính đến 28/11 tổng dung tích trữ các hồ chứa ở thượng nguồn sông Mê Công thuộc Trung Quốc còn đạt khoảng 64,1% tổng dung tích, các hồ ở hạ lưu vực Mê Công đạt bình quân 77,4% tổng dung tích, tổng dung tích nước hiện có các hồ trên lưu vực đạt 47,5 tỷ m³. Do hoạt động tích nước của các hồ chứa nên ảnh hưởng đến dòng chảy ở hạ lưu. Đặc biệt là hồ Nọa Trác Độ tổng dung tích hữu ích khoảng 12,2 tỷ m³, nhưng hiện tại chỉ khoảng 5,61 tỷ m³ và lượng thiếu hụt gần

khoảng 60% với tổng lượng dòng chảy mùa kiệt tại Chiang Saen (tổng dòng chảy mùa kiệt từ tháng 12-4 xấp xỉ 12 tỷ). Dự báo trong các tháng tiếp theo hệ thống hồ chứa sẽ tiếp tục tích nước hoặc xả nước cầm chừng.

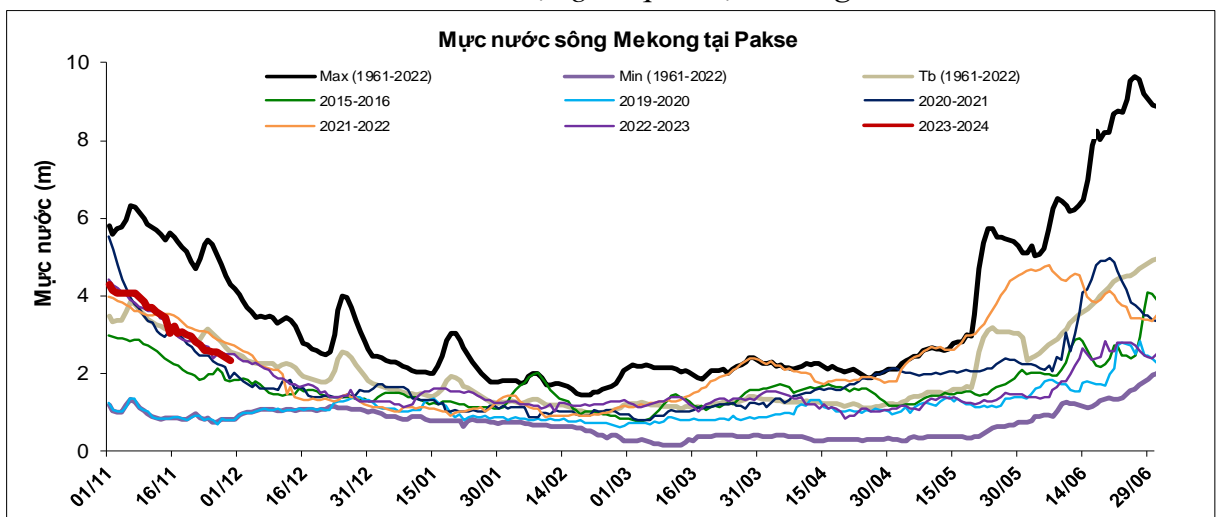
Biểu đồ mực nước trên dòng chính Mê Công tại Chiang Saen, Viêng Chăn, Pakse, Kratie và Biển hồ Tonle Sap đến hiện nay và so sánh với đặc trưng mực nước qua một số năm Hình 1 đến Hình 5:



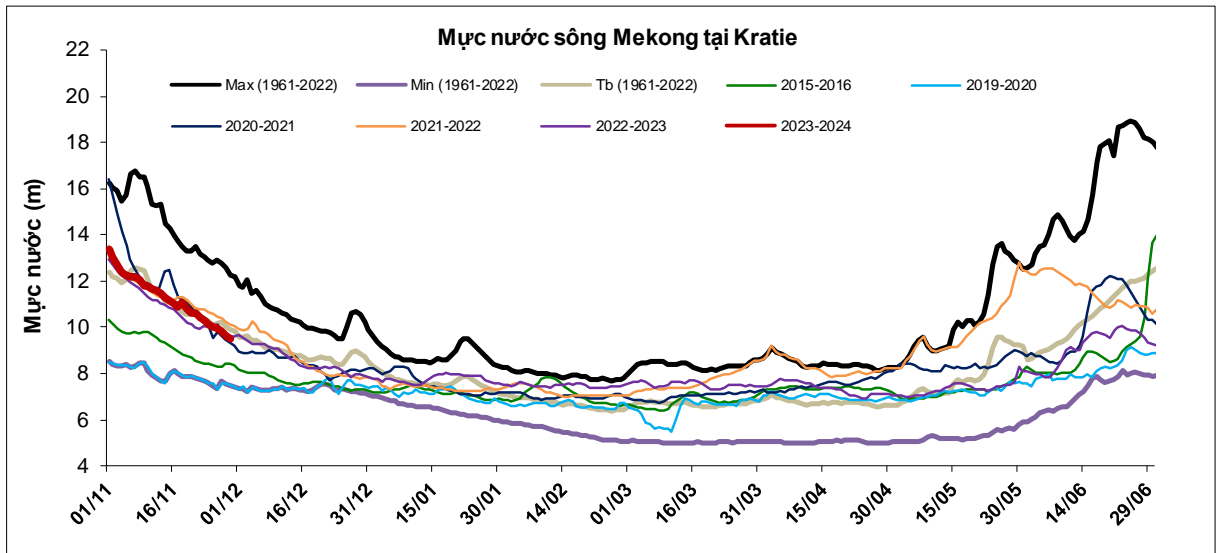
Hình 1. Diễn biến lưu lượng tại Chiang Saen – Thái Lan



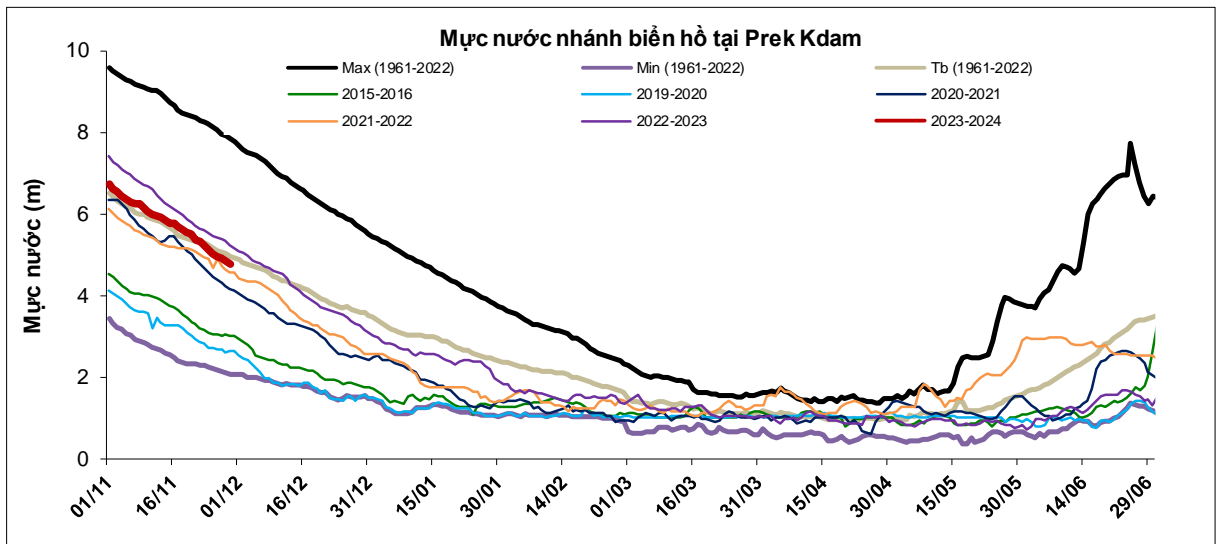
Hình 2. Diễn biến lưu lượng về qua trạm Viêng Chăn – Lào



Hình 3. Diễn biến lưu lượng về qua trạm Pakse – Campuchia



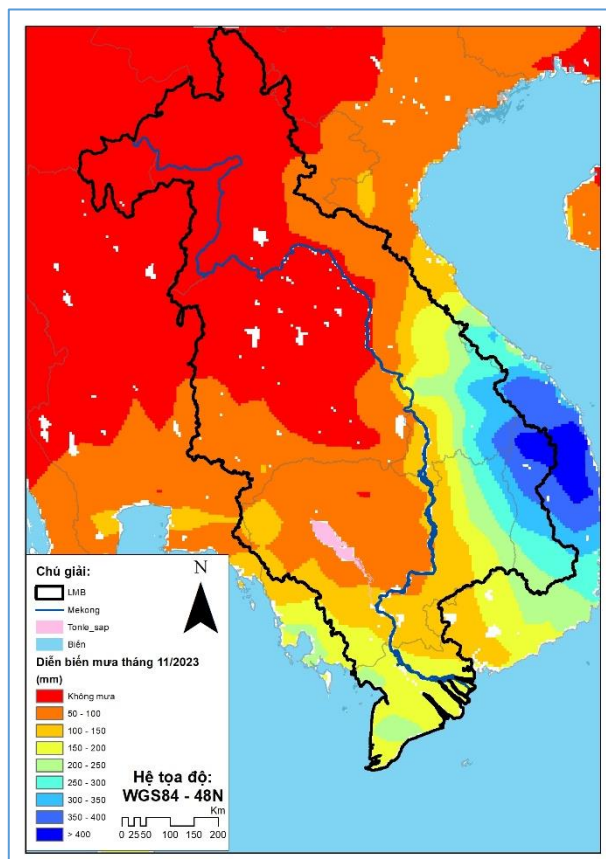
Hình 4. Diễn biến lưu lượng về qua trạm Kratie – đầu nguồn châu thổ Mê Công



Hình 5. Diễn biến lưu lượng trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 28/9/2023

1.2. Diễn biến mưa trên lưu vực

Số liệu mưa cập nhật trên lưu vực Mê Công cho thấy, từ đầu mùa kiệt đến hiện nay, mưa thấp hơn trung bình nhiều năm. Lượng mưa trong tháng 11 trên lưu vực Mê Công dao động 50 - 300 mm tập trung chủ yếu ở lưu vực sông Sesan, Srepok của Việt Nam, Campuchia và Trung-Hạ Lào. Vùng ĐBSCL cũng có lượng mưa khá trong khoảng 50-150 mm.



Hình 6. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên lưu vực Mê Công tháng 11/2023

2. DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THÁNG TIẾP THEO

2.1. Nguồn nước thượng lưu về Đồng bằng sông Cửu Long

Dự báo, trong tháng 12 dòng chảy phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nước từ mưa cuối mùa và điều tiết dòng chảy từ các hồ chứa. Dự báo tổng lượng dòng chảy qua các trạm như bảng dưới.

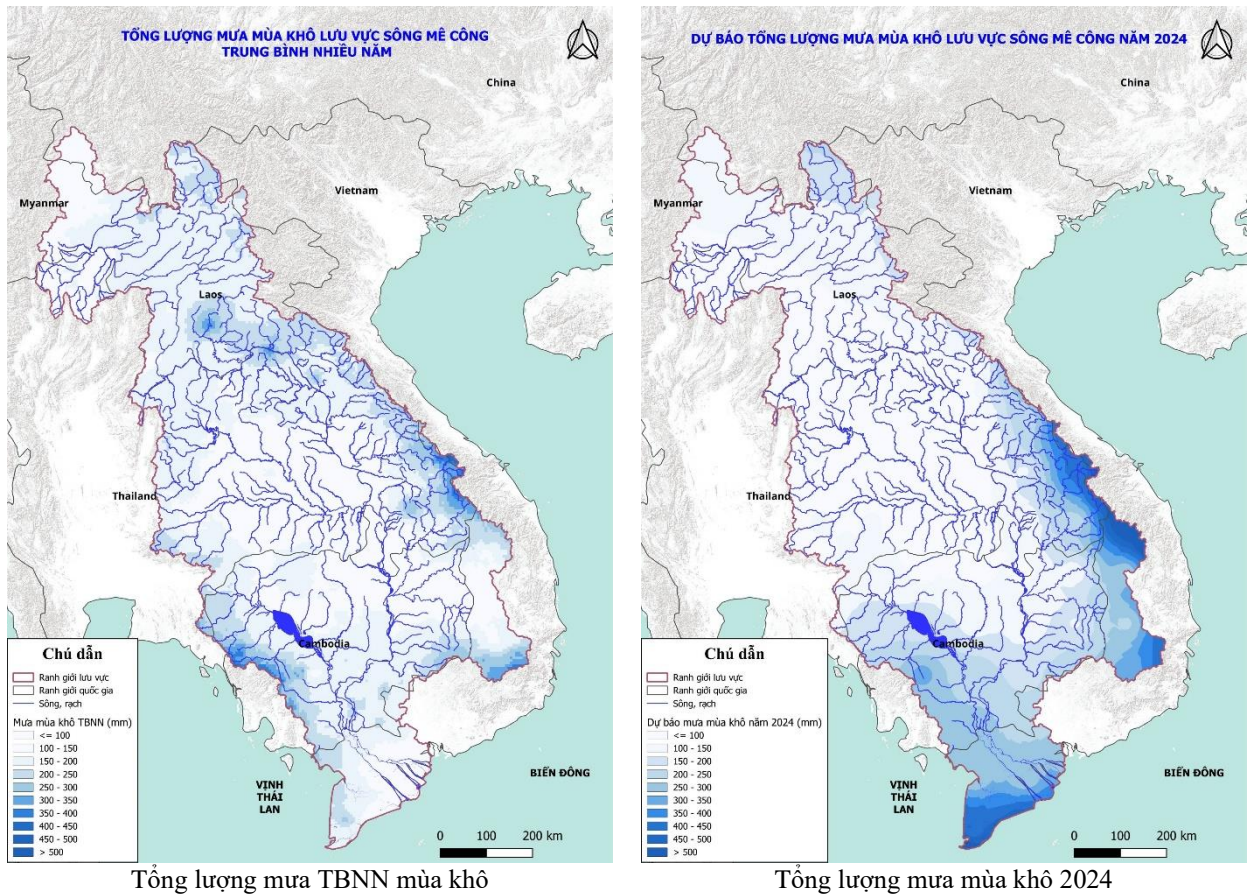
Bảng 3: Dự báo tổng lượng dòng chảy Tháng 12 so với đặc trưng một số năm các trạm trên dòng chính mê công

Trạm	Đơn vị	Dự báo tổng dòng chảy trong tháng 12	Khác biệt lũy tích dòng chảy so với một số năm cùng thời điểm				
			Năm TB	2022	2021	2020	2015
Chiang Saen	Tỷ m ³	2,2	-2,1	-0,6	-0,3	-1,2	-1,1
Viêng Chăn	Tỷ m ³	6,8	-0,8	0,3	0,9	1,5	1,7
Pakse	Tỷ m ³	11,0	-0,5	1,6	1,8	2,5	2,8
Kratie	Tỷ m ³	15,0	0,1	0,6	-0,3	1,2	4,7

Trạng thái El Niño tiếp tục duy trì ở mức cao đến hết quý 1 năm 2024 với xác suất 100% đến 90% (Tháng 12-Tháng 2: 100%, Tháng 1-Tháng 3: 100%, Tháng 2-Tháng 4: 98%, và Tháng 3-Tháng 5: 87%) sau đó liên tục giảm, Tháng 4 đến Tháng 6 là 58%, ENSO trung tính trở lại dần lên ở giai đoạn tháng 5 đến tháng 6 (mức 60%) và duy trì giai đoạn tháng 6-tháng 8 ở mức 56%.

Dự báo mưa lưu vực Mê Công trong tháng 12/2023: khu vực thượng nguồn lưu vực thuộc Trung Quốc và Myanmar mưa bằng hoặc thấp hơn trung bình nhiều năm, đến tháng 2/2024 có mưa bằng đến lớn hơn trung bình. Khu vực Nam Lào, Campuchia và

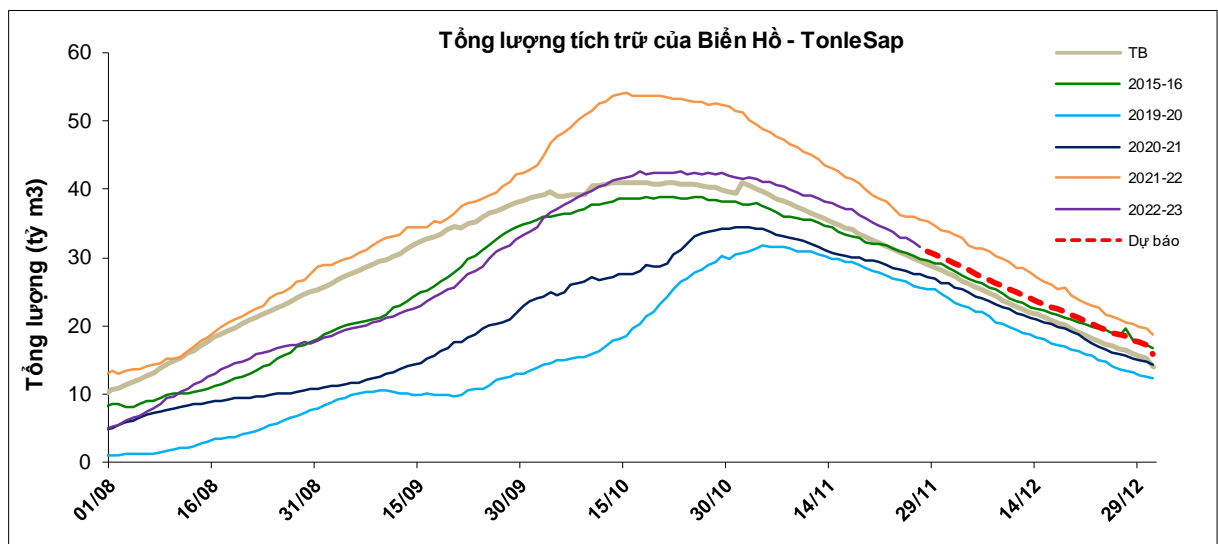
Tây Nguyên có mưa dự báo Tháng 12 đến tháng 2 thấp hơn hoặc xấp xỉ trung bình, tháng 3 và 4 mưa thấp hơn trung bình nhiều năm. Khu vực ĐBSCL dự báo mưa thấp hơn trung bình nhiều năm 0-20%. Cùng với vận hành thủy điện trên lưu vực rất khó đoán, đặc biệt là các hồ chứa lớn trên Trung Quốc sẽ làm tác động của xâm nhập mặn ở ĐBSCL càng thêm nghiêm trọng.



Hình 7. Dự báo lượng mưa mùa khô 2024 trên lưu vực Mê Công

2.2. Dòng chảy từ Biển hồ Tonle Sap

Biển hồ Tonle Sap vào giai đoạn tích nước. Lượng trữ Biển Hồ đến cuối tháng 12 dự báo còn khoảng 12-15 tỷ m³.



Hình 8. Biểu đồ dự báo dung tích biển hồ Tonle Sap đến 31/12/2023

2.3. Đánh giá khả năng thừa/thiếu nước so với cùng thời kỳ

Dự báo tổng lượng dòng chảy về đồng bằng trong tháng 12 qua Kratie và Điều tiết biển hồ là 21,7 tỷ m³, nhu cầu nước bình quân trên đồng bằng trong tháng vào khoảng 2,86 tỷ m³. Đánh giá an ninh nguồn nước ở mức 2 – thấp; dòng chảy về ĐBSCL đáp ứng đủ cho các hoạt động sản xuất và dân sinh tuy nhiên phụ thuộc lớn vào nguồn nước bên ngoài và tình trạng xâm nhập mặn ảnh hưởng đến các tỉnh Ven Biển ĐBSCL.

Bảng 4: Đánh giá an ninh nguồn nước về đồng bằng tháng 12

Nguồn	Đơn vị	Tổng lượng dòng chảy dự báo	So sánh với một số năm				
			Năm TB	2022	2021	2019	2015
Kratie	Tỷ m ³	15,0	0,1	0,6	-0,3	1,2	4,7
Biển hồ*	Tỷ m ³	6,7	-0,6	-0,5	0,5	1,1	2,7
Nhu cầu nước trên đồng bằng	Tỷ m ³	2,86	0,61	0,04	0,67	0,01	0,40
ANNN		2					

Ghi chú: '*' tổng lượng trừ của Biển hồ, dấu '-' biểu thị Biển hồ tích nước

Mức độ ANNN:

1	2	3	4	5
Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước thượng nguồn đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật hàng tháng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.